

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Số: 642/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 28 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông Trương Minh T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phạm Thị C, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông Trương Minh T và bà Phạm Thị C thật sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trương Minh T và bà Phạm Thị C có 02 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 24/01/1995 (đã trưởng thành) và Trương Minh T, sinh ngày 22/01/1998 (đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Ông Trương Minh T và bà Phạm Thị C thống nhất không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Trương Minh T và bà Phạm Thị C thống nhất không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phạm Thị C, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày 28/10/2021, Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 01, ngày 22/9/1995 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trương Minh T và bà Phạm Thị C không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 24/01/1995 (đã trưởng thành) và Trương Minh T, sinh ngày 22/01/1998 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Trương Minh T và bà Phạm Thị C chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Trương Minh T và bà Phạm Thị C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0085806 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã P, huyện C,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tú